

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2021/KDTM-ST**

Ngày 06/ 12/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hồ

2. Bà Nguyễn Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Ngày 06/12/2021 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐST- DS ngày 28/10/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Trụ sở: Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh T, thành phố R, tỉnh K.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền : Ông Võ Duy B – Giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần K – chi nhánh B (Theo quyết định số 1418/QĐ- NHKL ngày 01/7/2020)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

- Ông Lê Đình C, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh T.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Trú tại: khu phố 3, phường 5, thành phố B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2021, bản tự khai cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K, ông Lê Đình C trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số A 1130575/HĐTD - CC ngày 09/10/2020 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K (gọi tắt là Ngân hàng K) với ông Nguyễn Văn S thì vào năm 2020 ông Nguyễn Văn S có vay của Ngân hàng K số tiền 50.000.000 đồng, mục đích kinh doanh mua bán nhỏ, thời gian vay là 6 tháng

ngày đến hạn là ngày 12/4/2021 hai bên sẽ thanh lý hợp đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận như sau:

- Lãi suất trong hạn: 16%/1năm
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.
- Hình thức thanh toán: gốc và lãi trả hàng ngày kể từ ngày 14/10/2020 đến ngày 12/4/2021 số tiền trả mỗi ngày số tiền là 299.688đồng, ngày cuối là 301.088đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay ông Nguyễn Văn S đã cầm cố tài sản cho Ngân hàng và có ký kết hợp đồng kèm theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố tài sản số A1130575/HĐTD-CC ngày 09/10/2020. Tài sản cầm cố là xe Honda - SH125I: 71B4-232.36 do ông Nguyễn Văn S đứng tên sở hữu xe.

Từ ngày 22/12/2020 ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn cho Ngân hàng cụ thể là không thực hiện trả các kỳ tiếp theo, Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông S cam kết nhiều lần nhưng ông S không thực hiện tính đến ngày 18/5/2021 ông S còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Vốn gốc tính đến ngày 18.5.2021 số tiền là: 30.556.100 đồng
- Lãi: 6.072.300 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn và lãi là : 36.576.400 đồng.

Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 36.576.400 đồng và không yêu cầu tính lãi phát sinh trên hợp đồng vì số tiền lãi đã tính trong vốn cộng lãi, trả góp theo ngày.

Trường hợp ông Nguyễn Văn S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc hoàn trả không đủ số nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản cầm cố theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1130575/HĐTD-CC ngày 09/10/2020 để thanh toán nợ. Tài sản cầm cố là xe Honda - SH125I: 71B4-232.36, theo hợp đồng ông S là người quản lý tài sản, Ngân hàng giữ giấy đăng ký xe.

Ngân hàng thực hiện giao kết hợp đồng với cá nhân ông Nguyễn Văn S nên không yêu cầu vợ của ông S cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền trên.

Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo nội dung đơn khởi kiện, vào ngày 09/10/2020 Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn S có giao kết với nhau hợp đồng vay tín dụng và cầm cố tài sản. Theo hợp đồng vay ông S có vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000đồng, ông S đã trả được số tiền là 19.443.900đồng, số tiền còn nợ là 30.556.100 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng TMCP K khởi

kiện yêu cầu ông S phải tiếp tục trả số tiền còn nợ, yêu cầu của Ngân hàng là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng*: Bị đơn Ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[3] *Nội dung tranh chấp*: Theo lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông S ngày 09/10/2020, ông Nguyễn Văn S có vay của Ngân hàng Ksố tiền 50.000.000đồng, mục đích vay để kinh doanh mua bán nhỏ lẻ, thời gian vay là 6 tháng ngày đến hạn là ngày 12/4/2021 hai bên sẽ thanh lý hợp đồng nhưng ông S thực hiện đến ngày 18/5/2021 thì không tiếp tục thanh toán cho ngân hàng. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.và thực hiện các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng A1130575/HĐTD - CC ngày 09/10/2020.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả số tiền 30.556.100 đồng, chứng cứ Ngân hàng yêu cầu ông S trả số tiền trên là hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số A1130575/HĐTD - CC ngày 09/10/2020 đã được ký kết giữa Ngân hàng và ông S.

[4.1].Về hình thức, hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố sốA1130575/HĐTD-CC ngày 09/10/2020 cung cấp và theo lời khai của nguyên đơn thì hợp đồng này do cán bộ tín dụng đại diện Ngân hàng xác lập với ông S vào thời điểm vay tại Ngân hàng. Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự 2015.

[4.2] Về nội dung, hợp đồng sốA1130575/HĐTD-CC ngày 09/10/2020 thể hiện ông S có vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ksố tiền vay 50.000.000đồng, mục đích vay bổ sung công việc kinh doanh mua bán nhỏ, thời hạn vay 6 tháng với mức lãi suất là 16%/1năm. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn S đã thanh toán được số tiền vốn gốc là 19.443.900đồng, số tiền còn nợ là 30.556.100 đồng, có cơ sở khẳng định giao dịch giữa Ngân hàng và ông S là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 385 Bộ luật Dân sự 2015

[4.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S phải hoàn trả thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng

Đối với yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả nợ số tiền vốn gốc: 30.556.100 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng số A1130575/HĐTD - CC ngày 09/10/2020 và lời trình bày của nguyên đơn tại tòa theo hợp đồng ông S và Ngân hàng sẽ thanh lý hợp đồng vào ngày 12/4/2021 nhưng đến hạn ông S không thực hiện góp vốn và lãi hàng ngày. Lời khai của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án, phù hợp thời gian xác lập hợp đồng số A1130575/HĐTD - CC ngày 09/10/2020, phù hợp số tiền ông S đã trả trên vốn gốc dư nợ và thời điểm ông Nguyễn Văn S vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 18/5/2021 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn S còn nợ Ngân hàng số tiền 30.556.100 đồng vốn gốc. Do ông Nguyễn Văn S còn nợ nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên buộc ông S có nghĩa vụ thanh toán nợ số tiền còn nợ cho Ngân hàng là phù hợp với qui định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015

Đối với phần lãi suất: Ngân hàng yêu cầu trả lãi theo hợp đồng mà hai bên đã giao kết. Theo bản tự khai, bảng kê tính gốc ngày 07/12/2021 số tiền lãi còn phải trả tính đến ngày 18/5/2021 là 6.072.300 đồng. Xét thấy phần lãi suất là do sự tự nguyện thỏa thuận và tự nguyện giao kết giữa các bên, nên buộc ông S phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi suất trên số vốn vay dư nợ cho Ngân hàng là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản cầm cố. Cơ sở pháp lý chứng minh cho yêu cầu của Ngân hàng là theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1130575/HĐTD-CC ngày 09/10/2020 để thanh toán nợ. Tài sản cầm cố là xe Honda - SH125I: 71B4-232.36. Trường hợp, ông Nguyễn Văn S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng đầy đủ thì Ngân hàng Kcó quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã cầm cố theo thỏa thuận giữa ông S và Ngân hàng tại Điều 3 của hợp đồng.

Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo nợ vay của ông S đã ký hợp đồng cầm cố, tài sản là cầm cố là xe Honda - SH125I: 71B4-232.36 với Ngân hàng và theo thỏa thuận thì Ngân hàng chỉ giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe gắn máy, tài sản hiện tại do ông Nguyễn Văn S là người quản lý sử dụng, do ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải thực hiện như thỏa thuận xử lý tài sản cầm cố, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa Ngân hàng Kkhông yêu cầu trách nhiệm liên đới của vợ ông Nguyễn Văn S trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không xét đến trách nhiệm liên đới của vợ chồng theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do Ngân hàng cung cấp nhưng ông Nguyễn Văn S không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng cũng như không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận lời khai, và hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A1130575/HĐTD-CC ngày 09/10/2020 mà Ngân hàng cung cấp là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của Ngân hàng.

Ông Nguyễn Văn S, vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của phía Ngân hàng nên phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm.

Căn cứ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền là đồng $36.576.400 \text{đồng} \times 5\% = 1.828.000 \text{đồng}$ (*một triệu tám trăm hai mươi tám ngàn đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 119, 311, 463, 466 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K

Buộc Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền vốn gốc là: 30.556.100 đồng (*ba mươi triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn một trăm đồng*) và tiền lãi là 6.072.300 đồng. Tổng số tiền là 36.576.400 đồng (*ba mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn S không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là Honda - SH125I: 71B4-232.36.

Khi Ngân hàng K có yêu cầu thì ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm giao lại tài sản đã cầm cố là xe Honda - SH125I: 71B4-232.36 cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo qui định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Nguyễn Văn S phải nộp số tiền là 1.828.000 đồng (*một triệu tám trăm hai mươi tám ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 915.000đồng (*chín trăm mười lăm ngàn đồng*) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ktheo biên lai thu số 0005413đồng ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan